

Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright

Học kỳ Thu

KINH TẾ HỌC VI MÔ DÀNH CHO CHÍNH SÁCH CÔNG

Bài tập 2

Ngày nộp bài: 8:20 thứ Sáu 26/11/2021

Câu 1. Phối hợp tối ưu các yếu tố sản xuất (20 điểm)

Hàm số sản xuất của một doanh nghiệp có dạng: $Q = 2kl^{1/2}$. Đơn giá thuê vốn là $r = 20$ đơn vị tiền, đơn giá của lao động là $w = 12$ đơn vị tiền. Doanh nghiệp ký được hợp đồng tiêu thụ 2.400 sản phẩm.

- Doanh nghiệp sẽ thuê bao nhiêu vốn và lao động để thực hiện hợp đồng trên?
- Chi phí sản xuất trực tiếp (chi phí vốn và lao động) thấp nhất của doanh nghiệp là bao nhiêu?
- Nếu đơn giá sản phẩm ở hợp đồng trên là 2 đơn vị tiền thì lợi nhuận doanh nghiệp đạt được là bao nhiêu? Biết rằng chi phí quản lý và bán hàng bằng 20% chi phí sản xuất trực tiếp.
- Với hàm sản xuất trên đây, nếu doanh nghiệp sử dụng vốn và lao động đều tăng thêm 44% thì sản lượng sẽ tăng bao nhiêu %?

Câu 2. Chi phí sản xuất trong ngắn hạn (12 điểm)

Giả sử hàm tổng chi phí của doanh nghiệp trong ngắn hạn là $TC = 4q^2 + 144$.

- Anh/ chị hãy viết các hàm: tổng chi phí biên đổi, tổng chi phí cố định, chi phí trung bình, chi phí biến đổi trung bình, chi phí cố định trung bình và chi phí biên của doanh nghiệp.
- Anh/ chị hãy tìm mức sản lượng có chi phí trung bình thấp nhất.
- Nếu đây là doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo thì mức giá thị trường là bao nhiêu doanh nghiệp sẽ có lợi nhuận?

Câu 3. Chi phí sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn (22 điểm)

Bảng dưới đây thể hiện tổng chi phí cố định tương ứng với 3 quy mô sản xuất của một doanh nghiệp và tổng chi phí biến đổi theo sản lượng ứng với các quy mô sản xuất này.

Quy mô sản xuất	TFC (triệu đồng)	TVC (triệu đồng)		
		Q ₁ = 20 sản phẩm/tháng	Q ₂ = 40 sản phẩm/tháng	Q ₃ = 60 sản phẩm/tháng
1	6.000	2.000	5.000	12.000
2	7.000	1.800	3.800	10.800
3	8.000	1.200	3.600	8.400

- Đối với mỗi quy mô sản xuất, anh/ chị hãy tính tổng chi phí của doanh nghiệp để sản xuất các mức sản lượng Q₁, Q₂ và Q₃.

- b. Để lựa chọn quy mô sản xuất hiệu quả đòi hỏi chủ doanh nghiệp phải dự báo khả năng bán hàng. Doanh nghiệp sẽ lựa chọn quy mô nào tương ứng với các mức sản lượng Q_1 , Q_2 và Q_3 .
- c. Giả sử, doanh nghiệp đã đầu tư quy mô 2 nhưng hiện giờ thị phần bị sụt giảm, chỉ còn sản xuất 20 sản phẩm/tháng. Anh/chị hãy tính chi phí sản xuất trung bình cho mỗi sản phẩm.
- d. Giả sử, doanh nghiệp đã đầu tư quy mô 2 nhưng hiện giờ thị phần tăng, sản xuất 60 sản phẩm/tháng. Anh/chị hãy tính chi phí sản xuất trung bình cho mỗi sản phẩm.
- e. Trên một đồ thị, anh/ chị hãy vẽ đường chi phí trung bình dài hạn (LAC) và đường chi phí trung bình ngắn hạn (SAC) tương ứng với quy mô 2.

Câu 4. *Thị trường cạnh tranh hoàn hảo (Biên soạn theo bài tập 10, chương 8, P&R) (24 điểm)*

Giả sử cầu và cung thị trường một ngành cạnh tranh hoàn hảo là $Q^D = 6.500 - 100P$ và $Q^S = 1.200P$. Các doanh nghiệp trong ngành có hàm chi phí giống nhau: $TC = q^2/200 + 722$.

- a. Anh/chị hãy xác định mức giá và sản lượng cân bằng của ngành trong ngắn hạn.
- b. Mức sản lượng và lợi nhuận của mỗi doanh nghiệp là bao nhiêu?
- c. Ngành đang có bao nhiêu doanh nghiệp?
- d. Trong dài hạn sẽ có tình trạng gia nhập ngành của doanh nghiệp mới hay rời khỏi ngành của doanh nghiệp cũ? Giải thích.
- e. Khi ngành đạt cân bằng dài hạn thì mức giá thị trường là bao nhiêu? Lúc này lợi nhuận kinh tế của mỗi doanh nghiệp là bao nhiêu? Có bao nhiêu doanh nghiệp trong ngành?

Câu 5. *Tác động của thuế Giá trị gia tăng (22 điểm)*

Giả sử hàm số cầu và hàm số cung thị trường của một hàng hóa lần lượt là $P^D = -2Q^D + 312$ và $P^S = Q^S + 30$. Đơn vị tính của Q là ngàn sản phẩm, đơn vị tính của P là ngàn đồng/sp.

- a. Anh/ chị hãy xác định mức giá và sản lượng cân bằng khi chưa có thuế VAT.
- b. Nếu chính phủ đánh thuế VAT đối với hàng hóa này với thuế suất là 10% thì sản lượng cân bằng là bao nhiêu?
- c. Mức giá người mua phải trả và mức giá ròng (sau khi đã nộp thuế) của người bán là bao nhiêu?
- d. Anh/chị hãy xác định **mức thay đổi** trong phúc lợi của các đối tượng có liên quan và phúc lợi của toàn xã hội.